

SỰ PHÁT TRIỂN TƯ DUY LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY

Nguyễn Hữu Thức
Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương
Email: huuthuc56@gmail.com

/Ngày nhận bài: 05/04/2025

/Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 16/04/2025

/Ngày chấp nhận đăng: 20/04/2025

TÓM TẮT

Từ năm 1975 đến nay, hòa cùng chủ trương đổi mới, Đảng ta đứng vững trên lập trường, quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về văn hóa, văn nghệ, tiếp tục đổi mới tư duy hoàn thiện cơ sở lý luận về văn học, nghệ thuật, xác định rõ hơn vị trí, vai trò quan trọng cùng nội dung và tính chất của nền văn học nghệ thuật trong bối cảnh đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội. Đảng nhận thức sâu sắc, toàn diện về sự cần thiết xây dựng đội ngũ văn nghệ sĩ. Để đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ mới của sự nghiệp cách mạng, Đảng phải đổi mới công tác lãnh đạo, quản lý văn học nghệ thuật với tinh thần vừa giữ vững nguyên tắc vừa cởi mở, thông thoáng về cơ chế, chính sách, pháp luật, tạo cơ sở pháp lý nhằm giải phóng mọi tiềm năng sáng tạo; chăm lo, đãi ngộ, sử dụng tài năng, động viên trí thức, văn nghệ sĩ phát huy phẩm chất nghệ sĩ - chiến sĩ cống hiến mọi trí tuệ, tài năng công sức để có nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nghệ thuật đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng ở nước ta trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Từ khóa: Văn học nghệ thuật, lý luận của Đảng về văn học nghệ thuật, phát triển tư duy lý luận

THE DEVELOPMENT OF THE COMMUNIST PARTY OF VIETNAM'S THEORETICAL THINKING ON LITERATURE AND ART FROM 1975 TO THE PRESENT

ABSTRACT

Since 1975, in alignment with the policy of renovation, our Party has remained steadfast in its stance and perspectives rooted in Marxism-Leninism regarding culture and the arts. It has continued to renew its thinking, perfecting the theoretical foundations of literature and art, while more clearly defining their position, essential role, content, and characteristics within the context of a newly independent, unified nation advancing towards socialism. The Party has achieved a profound and comprehensive awareness of the necessity to build a contingent of writers and artists. To meet the new requirements and tasks of the revolutionary cause, the Party has renewed its leadership and management approach to literature and the arts - maintaining firm principles while simultaneously promoting openness and flexibility in mechanisms, policies, and laws. This has established a legal foundation to unleash creative potential; ensured care, recognition, and effective utilization of talent; and encouraged intellectuals and artists to uphold their dual identity as both artists and fighters, dedicating their intellect, talent, and efforts to creating numerous literary and artistic works of high ideological and artistic value, making worthy contributions to the revolutionary cause of our country in this era of national resurgence.

Keywords: Literature and art, the Party's theory on literature and art, development of theoretical thinking

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Văn học, nghệ thuật là một hình thái của ý thức xã hội, thông qua hoạt động sáng tạo của nghệ sĩ, phản ánh hiện thực cuộc sống dưới hình thức những hình ảnh nghệ thuật mà giác quan có thể tiếp thu được, tạo ra những sản phẩm hướng về cái hay, cái đẹp nhằm đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu tinh thần của con người.

Trước năm 1975, Đảng ta quan niệm văn học nghệ thuật là một bộ phận trọng yếu của văn hoá cho nên quan điểm, định hướng phát triển văn học nghệ thuật

thể hiện ở định hướng phát triển văn hoá của dân tộc.

“Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, văn học nghệ thuật nước ta phát triển theo quan điểm của Đảng được nêu trong Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (tháng 2 - 1951): “Xúc tiến công tác văn hoá để đào tạo con người mới và cán bộ mới cho công cuộc kháng chiến kiến quốc. Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hoá đế quốc. Đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hoá dân tộc, hấp thụ

những cái mới của văn hoá tiến bộ trên thế giới, để xây dựng nền văn hoá Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng” [2, tr.66,67].

Trong thời kỳ chống đế quốc Mỹ xâm lược, văn học nghệ thuật nước ta phát triển theo định hướng của Đảng nêu trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng: *“Phát triển nền văn nghệ mới với nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân sâu sắc. Nắm vững phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa, phấn đấu để có thêm nhiều tác phẩm phản ánh chân thật cuộc sống mới, con người mới, góp phần giáo dục và động viên nhân dân đấu tranh cho cách mạng xã hội chủ nghĩa và cho sự nghiệp thống nhất nước nhà”* [2, tr.153]. Đây là kim chỉ nam cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tạo sự đoàn kết thống nhất tư tưởng, động viên văn nghệ sĩ nêu cao tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội quyết tâm giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà.

Sau năm 1975, non sông thu về một mối, nước ta bước vào thời kỳ mới xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đây là giai đoạn tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, trong nước xuất hiện nhiều luồng tư tưởng phản động, phi xã hội chủ nghĩa xâm nhập tác động trực tiếp đến tư tưởng của trí thức, văn nghệ sĩ, nhất là văn nghệ sĩ trên lĩnh vực văn học nghệ thuật. Đã xuất hiện một số văn nghệ sĩ dao động đưa ra những ý kiến, quan điểm sai trái hạ thấp thành tựu nền văn nghệ cách mạng kháng chiến. Họ cho rằng sở dĩ nền văn nghệ nước ta chưa có nhiều tác phẩm có giá trị là do Đảng can thiệp sâu vào hoạt động sáng tác của văn nghệ sĩ. Văn nghệ sĩ làm theo sự chỉ đạo của Đảng là mất quyền tự do sáng tác, trở thành văn nghệ sĩ quốc doanh, tạo ra nền văn nghệ tuyên truyền, minh họa, nền văn nghệ “phải đạo”. Văn học, nghệ thuật là một đối tượng để các thế lực phản động chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa hướng tới nhằm phát triển văn học nghệ thuật với mục đích ly khai hoạt động văn học nghệ thuật khỏi sự lãnh đạo của Đảng. Đảng nhận thấy cần tăng cường sự lãnh đạo trên lĩnh vực văn học nghệ thuật. Sau đó trong các nghị quyết của Đảng ở mỗi nhiệm kỳ Đại hội đều đề cập đến tình hình văn học nghệ thuật và có chỉ đạo kịp thời. Ngoài ra, Đảng ta còn ban hành một số nghị quyết chuyên đề về văn học nghệ thuật. Những chủ trương của Đảng từ năm 1975 đến nay đã phản ánh sự phát triển tư duy lý luận của Đảng về văn học nghệ thuật, thể hiện rõ ở một số chủ điểm dưới đây.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CÁCH TIẾP CẬN

Để thực hiện nghiên cứu này, tác giả vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, coi sự phát triển tư duy

lý luận của Đảng về văn học nghệ thuật là một quá trình lịch sử - xã hội gắn liền với bối cảnh trong nước và quốc tế qua từng thời kỳ. Bài viết sử dụng các phương pháp chính sau:

Phương pháp phân tích - tổng hợp: Trên cơ sở hệ thống hóa các văn kiện, nghị quyết, chỉ thị của Đảng từ năm 1975 đến nay, tác giả phân tích các luận điểm lý luận cốt lõi, đồng thời tổng hợp thành các nội dung chính phản ánh sự phát triển tư duy lý luận.

Phương pháp lịch sử - logic: Nghiên cứu vận động và phát triển tư duy lý luận theo trình tự lịch sử các kỳ Đại hội Đảng, kết hợp logic nội tại giữa bối cảnh thực tiễn, nhu cầu cách mạng với sự điều chỉnh nhận thức và chủ trương của Đảng.

Phương pháp so sánh - đối chiếu: Đối chiếu các quan điểm của Đảng về văn học nghệ thuật qua các thời kỳ nhằm chỉ ra sự kế thừa, bổ sung và phát triển trong nhận thức lý luận.

Cách tiếp cận xuyên suốt là tiếp cận hệ thống, toàn diện, coi văn học nghệ thuật vừa là lĩnh vực sáng tạo mang tính đặc thù, vừa là mặt trận tư tưởng - văn hóa đặc biệt quan trọng, chịu sự chi phối của đường lối chính trị và yêu cầu phát triển con người Việt Nam trong từng giai đoạn cách mạng.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Đảng ta xác định và hoàn thiện rõ hơn vị trí, vai trò của văn học nghệ thuật

Trước năm 1975, Đảng xác định văn hoá, trong đó có văn học nghệ thuật là một mặt trận, anh chị em (văn nghệ sĩ) là chiến sĩ trên mặt trận đó. Văn hoá là một bộ phận của sự nghiệp cách mạng, lực lượng tác chiến, công cụ sắc bén của hoạt động tư tưởng.

Tại Đại hội lần thứ VI, với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, Đảng đề ra chủ trương đổi mới: *“Đổi mới tư duy trên mọi lĩnh vực hoạt động của Đảng và Nhà nước là việc cấp bách, đồng thời là việc thường xuyên, lâu dài”* [3, tr.20]. Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội VI đã ghi nhận vai trò của văn học nghệ thuật: *“Không hình thái tư tưởng nào có thể thay thế được văn học nghệ thuật trong việc xây dựng tình cảm lành mạnh, tác động sâu sắc vào việc đổi mới nếp nghĩ, nếp sống của con người”* [3, tr.24].

Sau đó một năm, ngày 28/11/1987, Bộ Chính trị khóa VI đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TW Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học nghệ thuật và văn hoá, phát huy khả năng sáng tạo, đưa văn học nghệ thuật và văn hoá phát triển lên một bước mới (Nghị quyết số 05). Trên cơ sở đánh giá: *“Công tác lãnh đạo và quản lý văn hoá, văn nghệ có nhiều biểu hiện giản đơn, thô thiển, thiếu dân chủ”* [3, tr.47],

Đảng nêu nhiều quan điểm, chủ trương mới về văn học nghệ thuật.

Có thể nói, Nghị quyết số 05 của Bộ Chính trị khóa VI là nghị quyết chuyên đề đầu tiên về văn học nghệ thuật sau thời điểm đổi mới của Đảng. Nhiều vấn đề mới được nêu ra. Đảng xác nhận: “Văn học nghệ thuật là bộ phận đặc biệt nhạy cảm của văn hoá, thể hiện khát vọng của con người về chân, thiện, mỹ, có tác dụng bồi dưỡng tình cảm tâm hồn, nhân cách, bản lĩnh của các thế hệ công dân, xây dựng môi trường đạo đức trong xã hội, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa” [3, tr.64]. Sáng tạo trong cơ chế văn học nghệ thuật dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nghị quyết số 05 khẳng định “Tự do sáng tác là điều kiện sống còn để tạo nên giá trị đích thực trong văn hóa, văn nghệ” [3, tr.53]; “Đảng khuyến khích văn nghệ sĩ tìm tòi sáng tạo, khuyến khích và yêu cầu có những thể nghiệm mạnh bạo và rộng rãi trong sáng tạo nghệ thuật, trong việc phát triển các loại hình và thể loại nghệ thuật, các hình thức biểu hiện” [3, tr.54]; Quan điểm của Đảng: một mặt, “Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do sáng tạo, tạo điều kiện thuận lợi phát huy tính độc lập, khơi dậy mọi nguồn lực sáng tạo của văn nghệ sĩ” [4, tr.78], đồng thời khi xem xét mối quan hệ giữa chính trị với văn học nghệ thuật, Đảng ta khẳng định: “Đảng phải lãnh đạo toàn bộ công tác văn hóa thông qua các phương thức thích hợp với đặc điểm của văn học nghệ thuật, đồng thời Đảng yêu cầu: “Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo và quản lý văn hóa, văn nghệ là yếu tố có ý nghĩa quyết định để khai thác mọi tiềm năng sáng tạo, phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật một cách thuận lợi” [3, tr.57].

Giới trí thức, văn nghệ sĩ đã ví Nghị quyết số 05 năm 1987 của Bộ Chính trị khóa VI là Nghị quyết cởi trói cho văn nghệ sĩ trên lĩnh vực văn học nghệ thuật. Năm 1981, Ban Bí thư ra Nghị quyết số 36-NQ/TW về những nhiệm vụ trước mắt của công tác tư tưởng đã khẳng định: “Văn học, nghệ thuật là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng của chế độ xã hội chủ nghĩa” [2, tr.344].

Năm 1982, Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, Đảng ta nhận định: “Văn nghệ là lĩnh vực rất quan trọng và rất phức tạp của văn hóa và đời sống xã hội” [2, tr.356]. Đến Đại hội VII (năm 1991), Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội đã có sự điều chỉnh bỏ cụm từ “rất phức tạp” mà nhận định: “Văn học nghệ thuật là một bộ phận quan trọng trong nền văn hóa, gắn bó với đời sống nhân dân và sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo” [2, tr.134].

Sau hơn 10 năm đất nước phát triển trong chủ trương đổi mới của Đảng, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta đã giành được

những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Năm 2008, Bộ Chính trị khóa X, ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới (Nghị quyết số 23). Đây là Nghị quyết chuyên đề đầu tiên về văn học nghệ thuật của Đảng trong thời kỳ đất nước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Nghị quyết đúc kết các nhóm quan điểm chỉ đạo, trong đó nhân mạnh, bổ sung, làm sâu sắc thêm các quan điểm chỉ đạo về văn học nghệ thuật Đảng đã nêu trước đó.

3.2. Đảng ta hoàn thiện và làm rõ hơn nội dung, tính chất của văn học, nghệ thuật

Trong chỉ đạo hoạt động và phát triển văn hóa, văn nghệ, từ rất sớm Đảng ta đã quan tâm đến xác định nội dung và tính chất của nền văn hóa, văn nghệ cách mạng. Năm 1943, trong đề cương văn hóa Việt Nam do Tổng Bí thư Trường Chinh khởi thảo đã xác định: “đưa văn hóa Việt Nam tới trình độ dân chủ có tính chất dân tộc hoàn toàn độc lập dựng nên một nền văn hóa mới, văn hóa mới Việt Nam có tính dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung” [2, tr.31].

Trước năm 1975, nội dung và tính chất của nền văn hóa Việt Nam, trong đó có văn học, nghệ thuật được thể hiện trong Báo cáo chính trị tại Đại hội toàn quốc lần thứ hai (năm 1951). Trong Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng là: “Xúc tiến công tác văn hóa để đào tạo con người mới và cán bộ mới cho công cuộc kháng chiến kiến quốc. Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc. Đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới, để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng” [2, tr.66,67].

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (1960), hệ thống quan điểm chỉ đạo văn hóa, văn nghệ của Đảng ta là: “Phát triển nền văn nghệ mới với nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân sâu sắc” [2, tr.153].

Nhiệm kỳ Đại hội VII (1991) của Đảng là thời điểm tình hình thế giới diễn biến phức tạp và có những biến động lớn. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu lần lượt tan rã. Cuối năm 1991, Liên bang Xô Viết - thành trì của phong trào XHCN - sụp đổ. Trong bối cảnh ấy, Đảng ta với bản lĩnh chính trị vững vàng đã xác định rõ mục tiêu phát triển đất nước là độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội. Đại hội VII đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH, khẳng định mô hình xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội với 6 đặc trưng, trong đó có đặc trưng: “Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” [5, tr.72]. Cụm từ “xã hội chủ nghĩa”

đã được nêu trong đường lối xây dựng nền văn hóa từ văn kiện Đại hội III của Đảng (9/1960) là “nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc” cho đến trước năm 1991. Từ Đại hội VII và các văn kiện quan trọng khác của Đảng, tính ngữ “xã hội chủ nghĩa” đã được thay là từ “tiên tiến”, cụm từ “nền văn hóa tiên tiến”, khi nói đến tính chất của nền văn hóa.

Năm 2008, Bộ Chính trị khóa X ban hành Nghị quyết số 23 về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học nghệ thuật trong thời kỳ mới (Nghị quyết số 23) nêu rõ quan điểm: “Văn học nghệ thuật Việt Nam phải phát triển toàn diện và mạnh mẽ... thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ” [4, tr.78]. Năm 2014, trên cơ sở tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Đảng ta ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước (Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI), Nghị quyết đã đề ra nhiệm vụ và khẳng định tính chất của văn học nghệ thuật: “Phát triển văn học nghệ thuật, tạo mọi điều kiện cho sự tìm tòi, sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ để có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân tộc, dân chủ, tiến bộ” [1, tr.18]. Nền văn hóa tiên tiến là nền văn hóa thấm sâu phẩm chất dân chủ, khoa học, nhân văn. Cương lĩnh 1991 chỉ rõ mục tiêu của xã hội mà nhân dân ta xây dựng là làm cho “Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân” [6, tr.315, 316]. Như vậy, vấn đề con người vừa là sản phẩm của văn hóa vừa là chủ thể sáng tạo văn hóa được đặt ra trong đường hướng phát triển đất nước của Đảng. Cũng tại Đại hội lần này, Đảng ta đã đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào nền tảng tư tưởng của Đảng: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (Bổ sung, phát triển năm 2011) đã chỉ rõ: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi” [5, tr.88].

Sau năm 1991, trước việc chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô bị sụp đổ, hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới rơi vào khủng hoảng và phong trào xã hội chủ nghĩa thoái trào, nhiều luồng tư tưởng phản động

chống chế độ xã hội chủ nghĩa được truyền bá và ảnh hưởng vào nước ta trong đó có những quan điểm sai trái trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ. Trong nước xuất hiện một số văn nghệ sĩ viết các tác phẩm văn học, nghệ thuật nói xấu lãnh tụ cách mạng và chế độ xã hội chủ nghĩa, đưa ra những quan điểm hạ thấp giá trị của nền văn nghệ dân tộc yêu nước và cách mạng, tuyệt đối hóa “tự do sáng tác”, đòi văn nghệ sĩ thoát ly sự lãnh đạo và định hướng chính trị của Đảng. Một số khuynh hướng sáng tác tư sản như kích động bạo lực, truyền bá đồi trụy, bôi đen chế độ, khơi dậy hận thù dân tộc... xuất hiện trong đời sống văn hóa. Đáng lưu ý là một số trí thức văn hóa, văn nghệ sĩ tự xưng “cấp tiến”, tiên phong “đổi mới” văn hóa, văn nghệ đã viết bài, phát tán tài liệu đưa ra quan điểm sai trái chống lại đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng, phủ nhận lịch sử và thành tựu cách mạng, gây tâm lý hoang mang trong nhân dân, góp phần tạo ra sự “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Trước diễn biến phức tạp trong đời sống tư tưởng, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII ra Nghị quyết Trung ương 4, ngày 14/01/1993, về một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt (Nghị quyết Trung ương 4). Nghị quyết khẳng định: “Nền văn hóa mà Đảng ta lãnh đạo toàn dân xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” [2, tr.245]. Tư duy về văn hóa của Đảng đã có bước phát triển mới, văn hóa, văn nghệ được nhận thức ở tầm cao hơn: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là một mục tiêu của CNXH. Văn học, nghệ thuật là một bộ phận trọng yếu của nền văn hóa dân tộc, thể hiện khát vọng của nhân dân về chân - thiện - mĩ” [2, tr.242]. Nếu kinh tế là nền tảng vật chất của xã hội thì văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội. Văn hóa không chỉ bó hẹp là công cụ tư tưởng của Đảng mà văn hóa là nền tảng kiến tạo nên đời sống tinh thần lành mạnh của xã hội, văn hóa còn gắn kết với sự phát triển kinh tế - xã hội. Nghị quyết xác định “Nhiệm vụ trung tâm của văn hóa, văn nghệ nước ta là góp phần xây dựng con người Việt Nam về trí tuệ, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, có nhân cách tốt đẹp, có bản lĩnh vững vàng ngang tầm sự nghiệp đổi mới vì dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh”¹ và yêu cầu “khắc phục tình trạng “hành chính hóa” các tổ chức văn hóa, nghệ thuật và xu hướng “thương mại hóa” trong lĩnh vực này”. Nghị quyết đề ra các biện pháp cụ thể, trong đó nhấn mạnh biện pháp liên quan đến công tác quản lý nhà nước về văn hóa: “Thế chế hóa kịp thời những chủ trương, biện pháp nêu trong Nghị quyết Trung ương”; có chương trình nghiên cứu và ban hành sớm các văn bản pháp quy thuộc lĩnh vực hoạt động văn hóa, văn nghệ; trước mắt, tập trung xây dựng một số luật cần thiết như Luật Xuất bản, Luật Bảo vệ di tích văn hóa dân tộc” [2, tr.248]. Nghị quyết Trung ương 4 khóa VII về văn hóa, văn nghệ đã chứng tỏ sự chỉ đạo về văn hóa, văn nghệ của Đảng đã

chuyển dần từ sự chỉ đạo có tính định hướng chung sang chỉ đạo có tính định hướng cụ thể và đặc biệt quan tâm tới việc thể chế các quan điểm, chủ trương của Đảng, tạo cơ sở pháp lý cho văn hóa, văn nghệ phát triển.

3.3. Sự phát triển tư duy lý luận của Đảng về xây dựng đội ngũ văn nghệ sĩ

Văn nghệ sĩ là chủ thể chính tạo ra các tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị, do vậy Đảng rất quan tâm chỉ đạo, định hướng xây dựng đội ngũ văn nghệ sĩ.

Trước năm 1975, khi nói đến đội ngũ văn nghệ sĩ Đảng chủ yếu ghi nhận sự đóng góp và trưởng thành của văn nghệ sĩ. Đảng yêu cầu: “Phải không ngừng nâng cao tính tư tưởng và nghệ thuật của các tác phẩm văn nghệ, làm cho các tác phẩm đó trở thành vũ khí sắc bén trong việc xây dựng con người mới về tư tưởng và tình cảm” [2, tr.139]. “Đẩy mạnh sáng tác văn học nghệ thuật, phấn đấu để sớm có những tác phẩm có tầm vóc lớn, có trình độ khái quát cao về chiến công và kỳ tích của con người Việt Nam trong công cuộc bảo vệ và xây dựng Tổ quốc” [2, tr.304]; “Cách mạng đã đào tạo được một đội ngũ những người hoạt động văn hóa, văn nghệ có tài năng, trung thành với Tổ quốc và nhân dân, gắn liền với sự nghiệp của Đảng” [2, tr.342].

Đảng ta tin tưởng và đánh giá cao sự cống hiến của văn nghệ sĩ, luôn mong mỏi trên đất nước ta xuất hiện nhiều tài năng sáng tạo, nhiều sản phẩm văn nghệ có giá trị cao về tính tư tưởng và trình độ nghệ thuật, xứng đáng với đất nước nghìn năm văn hiến và dân tộc anh hùng: “Các văn nghệ sĩ, các nhà hoạt động văn hóa trở thành những chiến sĩ của Đảng trên mặt trận văn hóa, văn nghệ, sáng tác được nhiều tác phẩm có giá trị, có sức động viên cổ vũ to lớn đối với nhân dân ta trong hai cuộc kháng chiến” [3, tr.44].

Từ năm 1975 đến nay, tư duy của Đảng đã nhận rõ vai trò của văn nghệ sĩ, có chỉ đạo kịp thời nhằm xây dựng và động viên văn nghệ sĩ dấn thân sáng tạo phục vụ đất nước và nhân dân. Báo cáo chính trị tại Đại hội VI của Đảng đã đặt vấn đề cấp ủy, chính quyền, đoàn thể cần thay đổi cách nhìn hẹp hòi đối với trí thức, trong đó có văn nghệ sĩ, xác định rõ vai trò của trí thức, văn nghệ sĩ: “Đối với trí thức, điều quan trọng nhất là đảm bảo quyền tự do sáng tạo, đánh giá đúng năng lực và tạo điều kiện cho năng lực được sử dụng đúng và phát triển. Phá bỏ những quan điểm hẹp hòi, không thấy những người trí thức ngày nay là những người lao động xã hội chủ nghĩa, được Đảng giáo dục và lãnh đạo, ngày càng gắn bó chặt chẽ với công nhân, nông dân” [3, tr.58].

Sau thời điểm đổi mới, năm 1987, Nghị quyết số 05 của Đảng yêu cầu cấp ủy, chính quyền cần “Trân

trọng nhân cách, tài năng và sự độc đáo của văn nghệ sĩ, chu đáo, tế nhị, chân tình trong quan hệ, đối xử, có cách làm việc đối với từng cá tính sáng tạo” [3, tr.58].

Văn kiện Đại hội VIII của Đảng có bước tiến mới về tư duy là gắn tự do sáng tạo với trách nhiệm công dân của văn nghệ sĩ: “Bảo đảm dân chủ, tự do cho mọi sự sáng tạo và hoạt động văn hóa, vun đắp các tài năng, đồng thời đề cao trách nhiệm của văn nghệ sĩ trước công chúng và thời đại” [6, tr.495]. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, Đảng nêu tư tưởng rất mới về chăm sóc đời sống của văn nghệ sĩ: “Chăm sóc đời sống vật chất, tinh thần, tạo điều kiện thuận lợi cho văn nghệ sĩ. Chú trọng bồi dưỡng, đào tạo lớp văn nghệ sĩ trẻ” [4, tr.77].

Năm 2008, Bộ Chính trị khóa X ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học nghệ thuật trong thời kỳ mới. Đây là Nghị quyết chuyên đề về văn học nghệ thuật đánh giá toàn diện sâu sắc tình hình văn học nghệ thuật, đặt ra mục tiêu: “Xây dựng, phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ Việt Nam một cách toàn diện cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu loại hình, có các thế hệ nối tiếp nhau vững chắc, có tình yêu Tổ quốc nồng nàn, gắn bó sâu sắc với nhân dân, với sự nghiệp đổi mới do Đảng lãnh đạo, có năng lực sáng tạo phong phú, đa dạng, đoàn kết, gắn bó, cùng phát triển trong cộng đồng các dân tộc anh em trên đất nước ta” [4, tr.77,78].

Ở nước ta, người nghệ sĩ ngoài tư cách là nghệ sĩ sáng tạo còn phải mang phẩm chất một chiến sĩ. Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ quan điểm: “Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận, Anh chị em (văn nghệ sĩ) là chiến sĩ trên mặt trận đó” [7, tr.223]. Người nghệ sĩ chân chính ở nước ta, nói như ý kiến của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: “Văn nghệ phải chiếu sáng cuộc sống, chứ không chỉ là nơi cuộc sống hiện hình; văn nghệ bồi dưỡng nâng cao con người chứ không phải chỉ là nơi giải bày tâm trạng cá nhân, hạ thấp con người” [8, tr.222]. Tổng Bí thư đòi hỏi người nghệ sĩ cần phải có “Khát vọng lớn lao, lý tưởng cao cả, hòa nhịp đập trái tim mình với nhịp đập trái tim toàn dân tộc, lẫn lộn với thực tiễn phong phú, sôi động của cuộc sống Nhân dân” [8, tr.222].

Văn nghệ sĩ với tư cách là người chiến sĩ trên lĩnh vực văn nghệ không hề làm giảm quyền tự do sáng tạo của họ. Đảng ta xác định văn hóa vì mục tiêu phát triển con người, do vậy, sự sáng tạo của văn nghệ sĩ vì sự phát triển toàn diện của con người, đấu tranh loại trừ cái xấu, cái ác, bảo vệ phẩm giá con người, chính là phẩm chất chiến sĩ của văn nghệ sĩ.

3.4. Sự phát triển tư duy lý luận của Đảng về sự lãnh đạo của Đảng đối với văn học nghệ thuật

Quá trình vận động cách mạng ở nước ta, Đảng ta rất

quan tâm đến mối quan hệ chính trị với văn hóa, trong đó có văn học nghệ thuật. Ngay từ năm 1943, trong Đề cương Văn hóa Việt Nam Đảng đã nêu rõ quan điểm: “Mặt trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) ở đó người cộng sản phải hoạt động;... có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả” [2, tr.30].

Sau đó, các Nghị quyết của Đảng liên quan đến văn hóa, nghệ thuật đều khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với văn hóa, văn nghệ: “Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn hóa, văn nghệ là yếu tố có ý nghĩa quyết định để khai thác mọi tiềm năng sáng tạo, phát triển sự nghiệp văn hóa, văn nghệ một cách thuận lợi” [3, tr.57] (Nghị quyết số 05); “Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng” [4, tr.21] (Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII); “Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng” [1, tr.14] (Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI).

Sau năm 1975, đời sống văn học nghệ thuật có diễn biến phức tạp. Xuất hiện những tư tưởng chống đối, quy kết rằng Đảng lãnh đạo văn nghệ là ép văn nghệ phục vụ các nhiệm vụ chính trị, trói buộc tự do sáng tạo của văn nghệ sĩ. Họ cho rằng: Văn hóa, nghệ thuật phải độc lập với chính trị. Văn nghệ sĩ phải được cởi trói khỏi sự chỉ đạo của Đảng để tự do sáng tạo, tự do phổ biến các tác phẩm. Trong bối cảnh đó, Đảng ta chỉ rõ sự lãnh đạo của Đảng không có nghĩa là can thiệp vào công việc sáng tạo của văn nghệ sĩ mà Đảng tạo điều kiện tốt nhất để văn nghệ phát triển theo đường lối của Đảng về văn hóa, văn nghệ. Đảng từng bước nêu ra cơ chế lãnh đạo: “Đảng lãnh đạo thông qua việc xây dựng cương lĩnh đường lối, chiến lược, xác định những mục tiêu cơ bản của cách mạng, vạch ra những phương hướng, chủ trương, chính sách trên các lĩnh vực đối nội, đối ngoại để định hướng hoạt động của Nhà nước và toàn dân; Đảng kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách; Đảng lãnh đạo xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ, bố trí cán bộ” [3, tr.104,105].

Trên lĩnh vực văn học nghệ thuật Đảng yêu cầu: “Khai thác mạnh mẽ tiềm năng sáng tạo là tư tưởng chỉ đạo bao trùm để phát triển văn hóa, văn nghệ”²; “Các chính sách biện pháp phải bảo đảm những điều kiện để văn hóa, văn nghệ làm tốt vai trò xã hội với chức năng cao cả của nó” [3, tr.52]; “Bảo đảm các điều kiện tinh thần, cố gắng tạo điều kiện thuận lợi về vật chất cho các nhà hoạt động văn học nghệ thuật yên tâm, phấn khởi làm việc” [3, tr.53]; “Chăm sóc đời sống vật chất, tinh thần, tạo điều kiện làm việc

thuận lợi cho văn nghệ sĩ” [4, tr.25]. Đảng đã chú ý tới tài năng của văn nghệ sĩ: “Cải tiến chính sách đối với người làm công tác nghệ thuật chuyên nghiệp, đãi ngộ xứng đáng lao động nghệ thuật, động viên sáng tạo, khuyến khích tài năng”³ [3, tr.53].

Trên cơ sở đánh giá đúng tình hình, Nghị quyết số 23 đề ra chủ trương và giải pháp: “Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn học, nghệ thuật. Hoàn thành cơ bản việc thể chế hóa các quan điểm, đường lối, định hướng của Đảng về văn học, nghệ thuật. Xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển dài hạn các lĩnh vực văn học, nghệ thuật; rà soát, bổ sung và xây dựng mới các chế độ, chính sách đối với văn học, nghệ thuật, như chế độ lương, nhuận bút, đãi ngộ tài năng, bồi dưỡng lao động nghề nghiệp, chế độ hưu” [4, tr.80]. Nghị quyết còn nhấn mạnh chủ trương xã hội hóa các hoạt động văn học, nghệ thuật, làm rõ các lĩnh vực cần xã hội hóa, lĩnh vực Nhà nước và nhân dân cùng làm, lĩnh vực Nhà nước phải đầu tư bảo tồn, xây dựng và phát triển.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII chủ trương: “Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng vừa đảm bảo cho văn hóa văn học nghệ thuật, báo chí phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa đảm bảo quyền tự do, dân chủ cá nhân trong sáng tạo văn hóa, nghệ thuật, khoa học công nghệ trên cơ sở phát huy tính tự giác cao với mục đích đúng đắn”. [1, tr.18].

Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI nêu rõ chủ trương của Đảng: “Có cơ chế khuyến khích văn nghệ sĩ, nghệ nhân phát huy tài năng, năng lực sáng tác, quảng bá văn học, nghệ thuật với ý thức đầy đủ về trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của mình. Trọng dụng, tôn vinh trí thức, văn nghệ sĩ, nghệ nhân trên cơ sở cống hiến cho đất nước. Chú trọng phát triển năng khiếu và tài năng trẻ” [1, tr.18].

Như vậy, các chủ trương, quan điểm nêu trong Nghị quyết của Đảng: Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về văn hóa và Nghị quyết số 23 của Bộ Chính trị khóa X, Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI đã phản ánh đầy đủ, hệ thống tư duy lý luận của Đảng ta về đường lối văn nghệ nước ta trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Hệ thống quan điểm đó đã kế thừa được các quan điểm cơ bản của Đảng về văn hóa ở các thời kỳ trước đó, đồng thời đã tiếp thu những tinh hoa lý luận về văn hóa, văn nghệ của thế giới theo tinh thần đổi mới của Đảng.

Hoạt động sáng tạo của văn nghệ sĩ mang tính đặc thù nên phương thức lãnh đạo của Đảng đối với văn nghệ sĩ phải chú ý đến tính đặc thù đó. Do vậy, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với văn nghệ sĩ cũng phải tự đổi mới để theo kịp sự phát triển của đời sống

văn học, nghệ thuật trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Văn kiện Đại hội IV nêu rõ: “Toàn bộ công tác văn hóa phải luôn luôn bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, làm cho đường lối của Đảng được thực hiện thông qua phương thức lãnh đạo thích hợp với đặc điểm của các ngành văn hóa, để có thể phát huy cao độ những khả năng sáng tạo trong hoạt động văn hóa” [2, tr.275].

4. KẾT LUẬN

Tóm lại, từ năm 1975 đến nay, hòa cùng chủ trương đổi mới của Đảng nêu ra tại Đại hội VI, Đảng ta đứng vững trên lập trường, quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về văn hóa, văn nghệ, tiếp tục đổi mới tư duy hoàn thiện cơ sở lý luận về văn học, nghệ thuật, xác định rõ hơn vị trí, vai trò quan trọng cùng nội dung và tính chất của nền văn học nghệ thuật trong bối cảnh đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội. Đảng nhận thức sâu sắc, toàn diện về sự cần thiết xây dựng đội ngũ văn nghệ sĩ. Để đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ mới của sự nghiệp cách mạng Đảng phải đổi mới công tác lãnh đạo, quản lý văn học nghệ thuật với tinh thần cởi mở thông thoáng về cơ chế, đơn đốc Nhà nước đẩy nhanh việc ban hành chính sách, pháp luật, tạo cơ sở pháp lý nhằm giải phóng mọi tiềm năng sáng tạo; chăm lo, đãi ngộ, sử dụng tài năng, động viên trí thức, văn nghệ sĩ phát huy phẩm chất nghệ sĩ - chiến sĩ cống hiến mọi tài năng công sức, trí tuệ để có nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nghệ thuật. Qua đó, đội ngũ văn nghệ sĩ được đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng ở nước ta trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc với khát vọng đất nước phát triển phồn vinh thịnh vượng, hạnh phúc sánh vai với các nước phát triển trên thế giới.

CHÚ THÍCH

¹Một số văn kiện của Đảng về công tác tư tưởng - văn hóa (Tài liệu nội bộ), tập 1 (1930 - 1986), sách đã dẫn, tr.245.

²Một số văn kiện của Đảng về công tác tư tưởng - văn hóa (Tài liệu nội bộ), tập 2 (1986 - 2000), sách đã dẫn, tr.51

³Một số văn kiện của Đảng về công tác tư tưởng - văn hóa (Tài liệu nội bộ), tập 2 (1986 - 2000), sách đã dẫn, tr.53

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ban Chỉ đạo Trung ương Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa (2015). *Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*, Nxb. Văn hóa - Thông tin.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (2000). *Một số văn kiện của Đảng về công tác tư tưởng - văn hóa (Tài liệu nội bộ), tập 1 (1930-1986)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr 66-67.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (2000). *Một số văn kiện của Đảng về công tác tư tưởng - văn hóa (Tài liệu nội bộ), tập 2 (1986-2000)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2012). *Chiến lược phát triển văn hóa, thể dục thể thao, du lịch và gia đình đến năm 2020, tầm nhìn 2030*, Nxb. Văn hóa - Thông tin.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2005). *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Hồ Chí Minh (1995). *Toàn tập, tập 7*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Nguyễn Phú Trọng (2024). *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.